

Số: 21/BC-QLCL

Đắk Lắk, ngày 30 tháng 11 năm 2023

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT**

**Lấy ý kiến của giảng viên, sinh viên, VCNLĐ về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng tại Trường, năm 2023**

Kính gửi:           **- Hiệu trưởng**  
                             **- Các đơn vị trong Trường**

Căn cứ Kế hoạch số 66/KH-ĐHTN, ngày 12/01/2023 của Trường về việc thực hiện các hoạt động BDCLGD năm 2023;

Để có số liệu báo cáo công khai các điều kiện BDCLGD, có minh chứng phục vụ công tác tự đánh giá và đánh giá ngoài cấp cơ sở giáo dục (CSGD) và cấp chương trình đào tạo (CTĐT);

Thực hiện Kế hoạch số 17/KH-QLCL ngày 14 tháng 11 năm 2023 của Phòng QLCL khảo sát lấy ý của sinh viên, giảng viên, VCNLĐ (các bên liên quan) về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng (PVCD) của Trường năm 2023;

Phòng Quản lý chất lượng báo cáo việc triển khai khảo sát và kết quả cụ thể như sau:

### **1. Mục đích**

- Thực hiện Quy chế dân chủ trong cơ sở giáo dục đại học;
- Tiếp thu ý kiến đóng góp của các bên liên quan về hoạt động kết nối và PVCD của Trường năm 2023;
- Nhà trường có căn cứ để điều chỉnh, cải tiến chất lượng phục vụ người học, phục vụ xã hội và cộng đồng, nâng cao chất lượng đào tạo trong thời gian tới.

### **2. Yêu cầu**

- Đảm bảo truyền thống và những giá trị đạo đức, văn hoá tốt đẹp trong môi trường giáo dục;
- Người được khảo sát hiểu rõ mục đích, ý nghĩa, tự nguyện và trung thực trong việc cung cấp thông tin theo mẫu câu hỏi khảo sát của Nhà trường, nhằm đạt được mục tiêu đã đề ra;
- Thông tin phản hồi từ các bên tham gia khảo sát được xử lý khách quan, trung thực và được sử dụng đúng mục đích.

### **3. Thời gian thực hiện**

Thời gian khảo sát: Từ 15/11/2023 đến 22/11/2023;

Thời gian xử lý và viết báo cáo: Từ 23/11/2023 đến 30/11/2023.

### **4. Đối tượng, phạm vi thực hiện**

- Sinh viên, giảng viên, VCNLĐ trong toàn trường.

### **5. Nội dung khảo sát**

- Có 10 câu hỏi về thông tin chung;
- Có 12 câu hỏi được thu thập ý kiến đánh giá của sinh viên, giảng viên, VCNLĐ về hoạt động kết nối và PVCD của Nhà trường;

- Để đánh giá sự hài lòng của các bên liên quan, sử dụng thang đánh giá mức độ hài lòng dựa trên 5 mức độ (theo thang đo Likert):

1-Rất không hài lòng; 2-Không hài lòng; 3-Bình thường; 4-Hài lòng; 5-Rất hài lòng.

Giá trị khoảng cách của thang đo =  $(GTLN - GTNN)/5 = (5 - 1)/5 = 0.8$

Từ 1 – 1.8: Rất không hài lòng

Từ 1.8 – 2.6: Không hài lòng

Từ 2.6 – 3.4: Bình thường

Từ 3.4 – 4.2: Hài lòng

Từ 4.2 – 5: Rất hài lòng

Tuy nhiên để tổng hợp cho ngắn gọn, chúng tôi sử dụng thang đo 3 mức độ: Không hài lòng: Gồm mức không hài lòng (2) và rất không hài lòng (1); Bình thường (3) và Hài lòng: Gồm hài lòng (4) và rất hài lòng (5).

- Các bên tham gia khảo sát có thể góp ý, đề xuất thêm nội dung vào mục Quý Thầy/Cô và các bạn sinh viên có đề xuất nội dung gì để chương trình hỗ trợ/PVCD năm sau hiệu quả và thiết thực hơn.

## **6. Phương pháp thực hiện**

- Phòng Quản lý chất lượng là đơn vị điều phối trong việc thực hiện khảo sát;
- Chọn mẫu, phương pháp thực hiện khảo sát theo Hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Sử dụng Google forms và gửi đường link khảo sát trực tiếp tới Lãnh đạo các đơn vị, các lớp thông qua sự phối hợp với các Khoa, CVHT và lớp trưởng các lớp;
- Link khảo sát giảng viên, VCNLD: <https://forms.gle/XjCUG4LYdyXyrNKp7>
- Link khảo sát sinh viên: <https://forms.gle/cwLy1irKatKZNT2e7>
- Dữ liệu khảo sát được thu thập, lưu trữ và xử lý bằng phần mềm Microsoft Excel 2016;
- Phân tích, tổng hợp, viết báo cáo kết quả khảo sát.

## **7. Kết quả khảo sát**

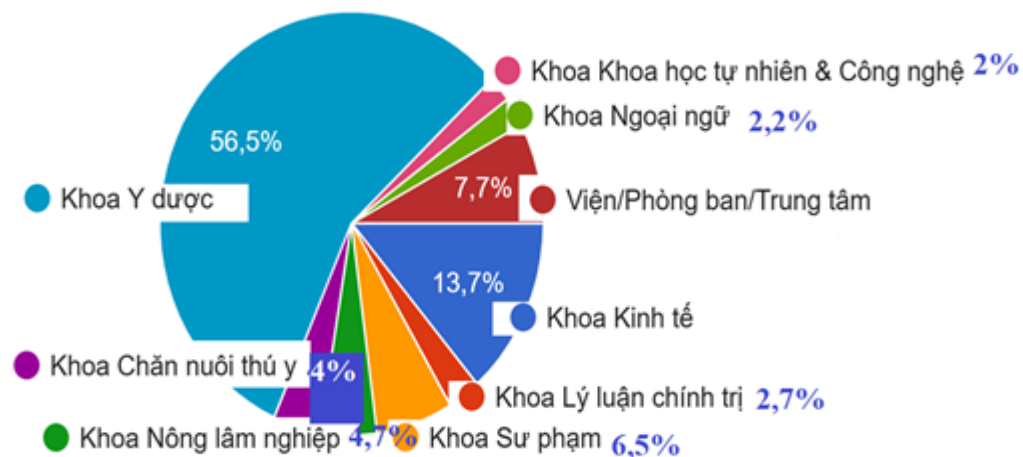
Đã khảo sát được 1.771 mẫu (Gồm 1.369 SV chính quy, bậc đại học của các Khoa và 402 giảng viên, VCNLD trong toàn trường).

### **7.1. Kết quả khảo sát giảng viên, VCNLD**

Thông tin về đơn vị của giảng viên, VCNLD thể hiện cụ thể ở Biểu đồ 1

Quý Thầy/Cô, Anh/chị thuộc đơn vị nào?

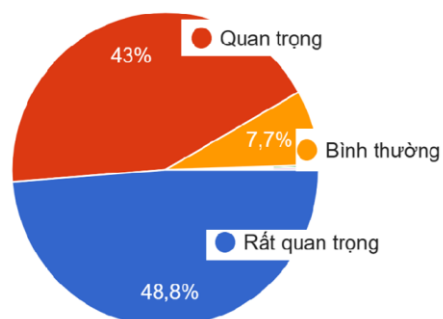
402 câu trả lời



**Biểu đồ 1: Cơ cấu giảng viên, VCNLD theo các đơn vị**

Nhận thức của quý Thầy/Cô, Anh/Chị về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng là:

402 câu trả lời



**Biểu đồ 2: Nhận thức của giảng viên, VCNLD về hoạt động kết nối và PVCD**

Nhìn vào biểu đồ 2 ta thấy, giảng viên, VCNLD đánh giá hoạt động kết nối và PVCD là rất quan trọng, quan trọng (91,8%), bình thường là 7,7% và chỉ có 0,5% cho là không quan trọng.

**Bảng 1: Thống kê các câu lạc bộ và tổ chức hoặc hoạt động mà giảng viên, VCNLĐ tham gia trong năm học vừa qua (cả trong và ngoài trường)**

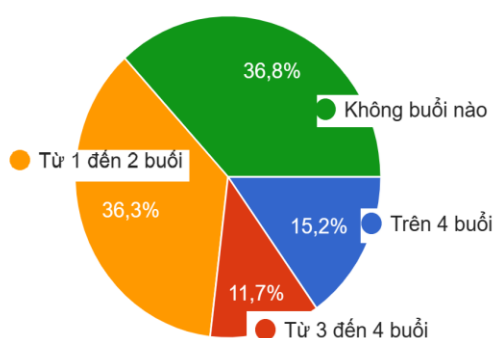
| Stt | Các hoạt động KN-PVCD  | Có (%) | Không (%) |
|-----|------------------------|--------|-----------|
| 1.  | Nghệ thuật/Âm nhạc     | 34,08  | 65,92     |
| 2.  | Chăm sóc sức khỏe      | 57,21  | 42,79     |
| 3.  | Văn hóa/giáo dục       | 55,97  | 44,03     |
| 4.  | Chính trị/xã hội       | 33,08  | 66,92     |
| 5.  | Tôn giáo               | 19,90  | 80,10     |
| 6.  | Học thuật              | 40,05  | 59,95     |
| 7.  | Thể dục thể thao       | 54,23  | 45,77     |
| 8.  | Chuyên môn/Nghề nghiệp | 49,25  | 50,75     |
| 9.  | Khác                   | 34,33  | 65,67     |

*Nguồn: Tổng hợp từ kết quả khảo sát*

Kết quả bảng 1 cho thấy, lĩnh vực mà giảng viên, VCNLĐ tham gia PVCD nhiều nhất là hoạt động chăm sóc sức khỏe (57,21%) và hoạt động PVCD không tham gia nhiều nhất là về lĩnh vực tôn giáo (80,1%). Ngoài các hoạt động PVCD ở trên, giảng viên, VCNLĐ còn tham gia các hoạt động PVCD khác với tỷ lệ là 34,33%.

Trong năm vừa qua, quý Thầy/Cô, Anh/chị đã tham gia môn học/ học phần nào đòi hỏi quý Thầy/Cô, Anh/chị phục vụ/tham gia tình nguyện tại trường hoặc tại cộng đồng địa phương?

402 câu trả lời

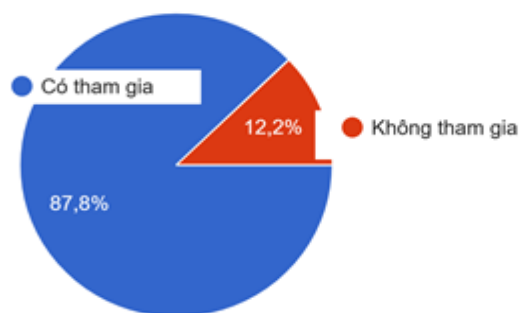


**Biểu đồ 3: Mức độ tham gia của giảng viên, VCNLĐ về hoạt động kết nối và PVCD**

Khi được hỏi về ý định có tiếp tục tham gia các hoạt động PVCD trong năm tiếp theo không thì có tới 353/402 giảng viên, VCNLĐ trả lời có tham gia. Tỷ lệ trả lời tham gia và không tham gia thể hiện ở biểu đồ 4.

Quý Thầy/Cô, Anh/chị có dự định sẽ tham gia chương trình PVCD trong những năm tiếp theo?

402 câu trả lời



**Biểu đồ 4: Ý định tiếp tục tham gia PVCD của GV, VCNLD**

**Bảng 2: Lợi ích chính của việc thực hiện phục vụ cộng đồng**

| Stt | Lợi ích chính của việc thực hiện phục vụ cộng đồng là gì | Có (%) | Không (%) |
|-----|----------------------------------------------------------|--------|-----------|
| 1.  | Có thu nhập                                              | 28,86  | 71,14     |
| 2.  | Giúp đỡ người khác                                       | 95,52  | 4,48      |
| 3.  | Làm đẹp hồ sơ cá nhân                                    | 54,23  | 45,77     |
| 4.  | Kết bạn và gặp gỡ nhiều người                            | 92,54  | 7,46      |
| 5.  | Hoàn thành nhiệm vụ bắt buộc của chương trình học        | 56,47  | 43,53     |
| 6.  | Khám phá các lĩnh vực mới                                | 85,82  | 14,18     |
| 7.  | Trải nghiệm thực tế                                      | 91,79  | 8,21      |
| 8.  | Phát triển kỹ năng xã hội                                | 90,30  | 9,70      |
| 9.  | Không có lợi ích                                         | 24,38  | 75,62     |
| 10. | Khác                                                     | 38,56  | 61,44     |

*Nguồn: Tổng hợp từ kết quả khảo sát*

Bảng 2 cho thấy, những lợi ích từ việc PVCD có số lựa chọn “có” trên 90%: Giúp đỡ người khác, kết bạn và gặp gỡ nhiều người, trải nghiệm thực tế, phát triển kỹ năng xã hội. Tỷ lệ số người được khảo sát cho rằng không có lợi ích gì từ việc PVCD là thấp nhất (24,38%) và kế tiếp 28,86% số người được khảo sát cho rằng lợi ích thực hiện PVCD là có thu nhập.

**Bảng 3: Điều gì là trở ngại chính khi thực hiện phục vụ cộng đồng**

| Stt | Điều gì là trở ngại chính khi thực hiện phục vụ cộng đồng | Có (%) | Không (%) |
|-----|-----------------------------------------------------------|--------|-----------|
| 1.  | Phân tâm hoặc ảnh hưởng đến công việc ở trường            | 49,75  | 50,25     |
| 2.  | Mâu thuẫn với nhu cầu làm việc để kiếm tiền               | 36,32  | 63,68     |
| 3.  | Có thể gây mệt mỏi hoặc không hài lòng                    | 46,27  | 53,73     |
| 4.  | Yêu cầu huấn luyện quá nhiều                              | 31,09  | 68,91     |
| 5.  | Yêu cầu việc đi lại quá nhiều                             | 48,01  | 51,99     |
| 6.  | Mất đi cuộc sống cá nhân/xã hội                           | 21,14  | 78,86     |
| 7.  | Gây nhàm chán hoặc không thú vị                           | 23,88  | 76,12     |
| 8.  | Khác                                                      | 26,87  | 73,13     |

*Nguồn: Tổng hợp từ kết quả khảo sát*

Kết quả khi được hỏi về những trở ngại chính khi tham gia PVCD được thể hiện ở bảng 3 cho thấy, trở ngại lớn nhất là phân tâm hoặc ảnh hưởng đến công việc ở trường (49,75%), tiếp theo là có thể gây mệt mỏi hoặc không hài lòng (46,27%), trở ngại được chọn ít nhất là mất đi cuộc sống cá nhân hoặc xã hội (21,14%).

**Bảng 4: Những thay đổi sẽ giúp quý Thầy Cô dễ dàng trong việc thực hiện PVCD**

| Stt | Những thay đổi sẽ giúp quý Thầy Cô dễ dàng trong việc thực hiện PVCD | Có (%) | Không (%) |
|-----|----------------------------------------------------------------------|--------|-----------|
| 1.  | Có nhiều hoạt động PVCD để có thể tham gia lựa chọn                  | 84,58  | 15,42     |
| 2.  | Có thêm các lớp chia sẻ kinh nghiệm PVCD                             | 82,34  | 17,66     |
| 3.  | Có nhiều CLB để tham gia PVCD                                        | 84,83  | 15,17     |
| 4.  | Được tập huấn thêm về công tác PVCD                                  | 79,60  | 20,40     |

*Nguồn: Tổng hợp từ kết quả khảo sát*

**Bảng 5: Đánh giá mức hài lòng của GV, VCNLD về một số hoạt động PVCD của Trường**

| STT               | Nội dung                                                                                                                                             | Mức đánh giá (tỷ lệ %) |              |              | Điểm Likert |
|-------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|--------------|--------------|-------------|
|                   |                                                                                                                                                      | Không hài lòng         | Bình thường  | Hài lòng     |             |
| 1.                | Nhà trường/Đơn vị tổ chức có kế hoạch cụ thể trước khi bắt đầu các hoạt động                                                                         | 11,19                  | 43,28        | 45,52        | 3,38        |
| 2.                | Chương trình hỗ trợ cộng đồng được triển khai phù hợp với kế hoạch đã đề ra                                                                          | 11,19                  | 41,29        | 47,51        | 3,40        |
| 3.                | Chương trình hỗ trợ cộng đồng mang lại hiệu quả như mong đợi và có lợi ích, thiết thực cho cộng đồng                                                 | 9,45                   | 40,80        | 49,75        | 3,46        |
| 4.                | Tình nguyện viên/sinh viên được hướng dẫn cụ thể các nội dung và cách thức thực hiện                                                                 | 11,19                  | 38,81        | 50,00        | 3,46        |
| 5.                | Tình nguyện viên/SV được tham gia các buổi tập huấn những kiến thức, kỹ năng cơ bản để phục vụ cho các hoạt động trong chương trình hỗ trợ cộng đồng | 10,45                  | 42,04        | 47,51        | 3,44        |
| 6.                | Tình nguyện viên/SV được hỗ trợ về phương tiện di chuyển và vật chất để phục vụ cho chương trình                                                     | 13,18                  | 41,79        | 45,02        | 3,37        |
| 7.                | Tình nguyện viên/sinh viên được hỗ trợ, động viên về tinh thần trong quá trình làm nhiệm vụ                                                          | 10,70                  | 40,55        | 48,76        | 3,45        |
| 8.                | Nhà trường có các chính sách hỗ trợ và khuyến khích cho SV tham gia hoạt động tình nguyện                                                            | 12,19                  | 40,30        | 47,51        | 3,41        |
| 9.                | Hoạt động phục vụ, hỗ trợ cộng đồng giúp tình nguyện viên phát huy được khả năng tư duy, sáng tạo và các kỹ năng cần thiết khác                      | 9,70                   | 39,55        | 50,75        | 3,50        |
| 10.               | Hoạt động phục vụ, hỗ trợ cộng đồng sẽ giúp ích cho hoạt động học tập và tìm kiếm việc làm sau này của các bạn sinh viên tình nguyện                 | 10,45                  | 37,81        | 51,74        | 3,50        |
| 11.               | Anh/chị có đồng ý rằng PVCD sẽ: Đề cao đạo đức phục vụ trong sinh viên đại học, cải thiện mối quan hệ giữa nhà trường và cộng đồng                   | 9,45                   | 36,82        | 53,73        | 3,56        |
| 12.               | Anh/chị có đồng ý hoạt động PVCD là điều kiện bắt buộc khi xét tốt nghiệp                                                                            | 16,92                  | 41,04        | 42,04        | 3,27        |
| <b>TRUNG BÌNH</b> |                                                                                                                                                      | <b>11,34</b>           | <b>40,34</b> | <b>48,32</b> | <b>3,43</b> |

*Nguồn: Tổng hợp từ kết quả khảo sát*

Kết quả Bảng trên cho thấy: Số giảng viên, VCNLD đánh giá trung bình mức độ không hài lòng là 11,34%; bình thường là 40,34% và hài lòng là 48,32%; Điểm số mức độ hài lòng (điểm Likert) trung bình là 3,43/5,0 ở mức chất lượng hài lòng.

**Khi được hỏi quý Thầy/Cô, Anh/Chị gặp khó khăn gì trong việc tham gia hoạt động PVCD vừa qua**

Có 280/402 (69,65%) số giảng viên, VCNLD trả lời chưa hoặc không có khó khăn gì; bên cạnh đó có một số khó khăn khi tham gia PVCD như: Phải đi lại nhiều, thiếu phương tiện đi lại; Không có nhiều thời gian để tham gia; thiếu về kinh phí; khó khăn trong việc giao tiếp; sức khỏe chưa đảm bảo; Con còn nhỏ; chưa có nhiều hoạt động phù hợp để tham gia; thông tin về các hoạt động PVCD chưa được tuyên truyền rộng rãi đến các đối tượng liên quan.

**Một số ý kiến đề xuất của giảng viên, VCNLD để chương trình hỗ trợ/PVCD năm sau hiệu quả và thiết thực hơn**

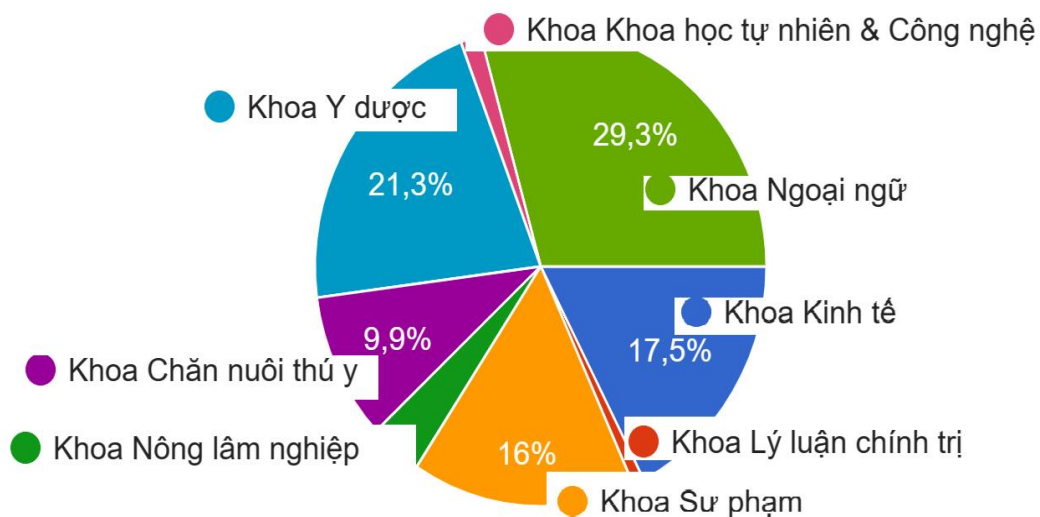
Quan tâm nhiều hơn tới đội ngũ tình nguyện viên; Nhà trường nên hỗ trợ chi phí đi lại; Có kế hoạch hoạt động cụ thể; Cần đa dạng hoạt động PVCD hơn nữa: Tăng cường gắn kết chương trình PVCD thông qua thực tập giáo trình môn học, thêm các hoạt động thiện nguyện, có các chương trình hỗ trợ các buôn làng đồng bào tại chỗ, tham gia quản lý dịch bệnh vật nuôi tại địa phương, lập quỹ từ thiện, kết nối và hỗ trợ các trường phổ thông về lĩnh vực hướng nghiệp không chỉ đến mùa tuyển sinh mới thực hiện, gắn đào tạo chuyên môn với PVCD thường xuyên hơn; Thông tin về các hoạt động PVCD cần tuyên truyền rộng rãi và hướng dẫn cụ thể các hoạt động hơn nữa; Huy động các nguồn tài trợ bổ sung kinh phí; Xây dựng chương trình PVCD cho từng Khoa; Có giấy chứng nhận hoặc khen thưởng cho các tình nguyện viên; Đưa vào quy chế chi tiêu nội bộ mức hỗ trợ cho hoạt động PVCD; Cần lan tỏa hoạt động PVCD để mọi người tình nguyện tham gia thay vì yêu cầu thực hiện.

**7.1.2. Kết quả khảo sát sinh viên**

Thông tin về đơn vị của sinh viên được khảo sát thể hiện cụ thể ở Biểu đồ 5

## Các bạn thuộc Khoa nào?

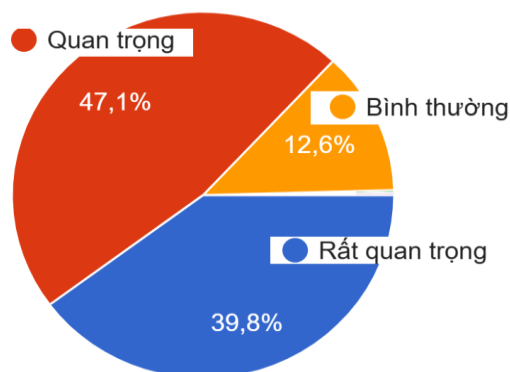
1.369 câu trả lời



**Biểu đồ 5: Cơ cấu sinh viên khảo sát theo các Khoa**

Nhận thức của các bạn về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng là:

1.369 câu trả lời

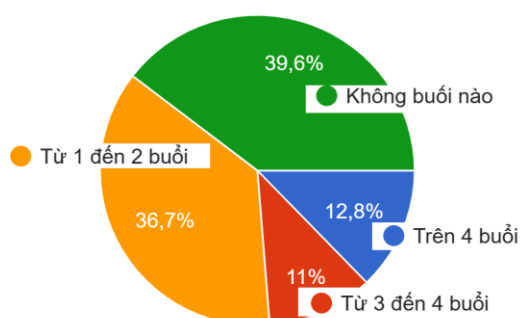


**Biểu đồ 6: Nhận thức của sinh viên về hoạt động kết nối và PVCD**

Nhìn vào biểu đồ 6 ta thấy, tỷ lệ sinh viên đánh giá hoạt động kết nối và PVCD là rất quan trọng, quan trọng (86,9%), bình thường là 12,6% và chỉ có 0,5% cho là không quan trọng.

Trong năm vừa qua, các bạn đã tham gia môn học/ học phần nào đòi hỏi các bạn phục vụ/tham gia tình nguyện tại trường hoặc tại cộng đồng địa phương?

1.369 câu trả lời

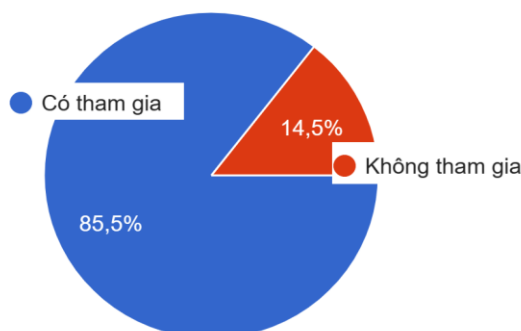


**Biểu đồ 7: Mức độ tham gia của sinh viên về hoạt động kết nối và PVCD**

Khi được hỏi về ý định có tiếp tục tham gia các hoạt động PVCD trong năm tiếp theo không thì có tới 1.171/1.369 sinh viên trả lời có tham gia. Tỷ lệ trả lời tham gia và không tham gia trong những năm tiếp theo thể hiện ở biểu đồ 8.

Các bạn có dự định sẽ tham gia chương trình PVCD trong những năm tiếp theo?

1.369 câu trả lời



**Biểu đồ 8: Ý định tiếp tục tham gia PVCD của sinh viên**

**Bảng 6: Thống kê các CLB và tổ chức hoặc hoạt động mà sinh viên tham gia trong năm học vừa qua (cả trong và ngoài trường)**

| Stt | Các hoạt động KN-PVCD  | Có (%) | Không (%) |
|-----|------------------------|--------|-----------|
| 1.  | Nghệ thuật/Âm nhạc     | 34,55  | 65,45     |
| 2.  | Chăm sóc sức khỏe      | 45,95  | 54,05     |
| 3.  | Văn hóa/giáo dục       | 55,08  | 44,92     |
| 4.  | Chính trị/xã hội       | 29,00  | 71,00     |
| 5.  | Tôn giáo               | 26,88  | 73,12     |
| 6.  | Học thuật              | 27,10  | 72,90     |
| 7.  | Thể dục thể thao       | 53,18  | 46,82     |
| 8.  | Chuyên môn/Nghề nghiệp | 32,58  | 67,42     |
| 9.  | Khác                   | 37,62  | 62,38     |

*Nguồn: Tổng hợp từ kết quả khảo sát*

Kết quả bảng 6 cho thấy, lĩnh vực mà sinh viên tham gia PVCD nhiều nhất là hoạt động văn hóa/giáo dục (55,08%) và hoạt động PVCD không tham gia nhiều nhất là về lĩnh vực tôn giáo (73,12%). Ngoài các hoạt động PVCD ở trên, sinh viên còn tham gia các hoạt động PVCD khác với tỷ lệ là 37,62%.

**Bảng 7: Lợi ích chính của việc thực hiện phục vụ cộng đồng**

| Stt | Lợi ích chính của việc thực hiện phục vụ cộng đồng là gì? | Có (%) | Không (%) |
|-----|-----------------------------------------------------------|--------|-----------|
| 1.  | Có thu nhập                                               | 37,33  | 62,67     |
| 2.  | Giúp đỡ người khác                                        | 93,72  | 6,28      |
| 3.  | Làm đẹp hồ sơ cá nhân                                     | 70,42  | 29,58     |
| 4.  | Kết bạn và gặp gỡ nhiều người                             | 92,33  | 7,67      |
| 5.  | Hoàn thành nhiệm vụ bắt buộc của chương trình học         | 63,33  | 36,67     |
| 6.  | Khám phá các lĩnh vực mới                                 | 89,55  | 10,45     |
| 7.  | Trải nghiệm thực tế                                       | 92,91  | 7,09      |
| 8.  | Phát triển kỹ năng xã hội                                 | 91,96  | 8,04      |
| 9.  | Không có lợi ích                                          | 26,52  | 73,48     |
| 10. | Khác                                                      | 40,32  | 59,68     |

*Nguồn: Tổng hợp từ kết quả khảo sát*

Bảng 7 cho thấy, những lợi ích từ việc PVCD có số lựa chọn “có” trên 90%: Giúp đỡ người khác, kết bạn và gặp gỡ nhiều người, trải nghiệm thực tế, phát triển kỹ năng xã hội. Tỷ lệ số người được khảo sát cho rằng không có lợi ích gì từ việc PVCD là thấp nhất (26,52%) và kế tiếp là tỷ lệ lựa chọn có thu nhập (37,33%). Ngoài những lợi ích kể trên thì có 40,32% cho rằng có những lợi ích khác khi tham gia các hoạt động PVCD.

**Bảng 8: Điều gì là trở ngại chính khi thực hiện phục vụ cộng đồng**

| Stt | Điều gì là trở ngại chính khi thực hiện phục vụ cộng đồng | Có (%) | Không (%) |
|-----|-----------------------------------------------------------|--------|-----------|
| 1.  | Phân tâm hoặc ảnh hưởng đến công việc ở trường            | 52,52  | 47,48     |
| 2.  | Mâu thuẫn với nhu cầu làm việc để kiếm tiền               | 43,61  | 56,39     |
| 3.  | Có thể gây mệt mỏi hoặc không hài lòng                    | 56,83  | 43,17     |
| 4.  | Yêu cầu huấn luyện quá nhiều                              | 39,30  | 60,70     |
| 5.  | Yêu cầu việc đi lại quá nhiều                             | 54,05  | 45,95     |
| 6.  | Mất đi cuộc sống cá nhân / xã hội                         | 28,27  | 71,73     |
| 7.  | Gây nhàm chán hoặc không thú vị                           | 29,36  | 70,64     |
| 8.  | Khác                                                      | 30,17  | 69,83     |

*Nguồn: Tổng hợp từ kết quả khảo sát*

Kết quả khi được hỏi về những trở ngại chính khi tham gia PVCD được thể hiện ở bảng 8 cho thấy, trở ngại lớn nhất là có thể gây mệt mỏi hoặc không hài lòng (56,83%), tiếp theo là yêu cầu việc đi lại quá nhiều (54,05%), trở ngại được chọn ít nhất là mất đi cuộc sống cá nhân hoặc xã hội (28,27%).

**Bảng 9: Những thay đổi sẽ giúp quý Thầy Cô dễ dàng trong việc thực hiện PVCD**

| Stt | Những thay đổi sẽ giúp quý Thầy Cô dễ dàng trong việc thực hiện PVCD | Có (%) | Không (%) |
|-----|----------------------------------------------------------------------|--------|-----------|
| 1.  | Có nhiều hoạt động PVCD để có thể tham gia lựa chọn                  | 85,46  | 14,54     |
| 2.  | Có thêm các lớp chia sẻ kinh nghiệm PVCD                             | 80,50  | 19,50     |
| 3.  | Có nhiều CLB để tham gia PVCD                                        | 81,81  | 18,19     |
| 4.  | Được tập huấn thêm về công tác PVCD                                  | 77,36  | 22,64     |

*Nguồn: Tổng hợp từ kết quả khảo sát*

Kết quả bảng 9 cho thấy, đa số các bạn sinh viên đều mong muốn có nhiều hoạt động PVCD để có thể tham gia lựa chọn, có thêm các lớp chia sẻ kinh nghiệm PVCD, có nhiều CLB để tham gia PVCD và được tập huấn thêm về công tác PVCD.

**Bảng 10: Đánh giá mức hài lòng của sinh viên về một số hoạt động PVCD của Trường**

| STT               | Nội dung                                                                                                                                                    | Mức đánh giá (tỷ lệ %) |              |              | Điểm Likert |
|-------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|--------------|--------------|-------------|
|                   |                                                                                                                                                             | Không hài lòng         | Bình thường  | Hài lòng     |             |
| 1.                | Nhà trường/Đơn vị tổ chức có kế hoạch cụ thể trước khi bắt đầu các hoạt động                                                                                | 16,29                  | 39,37        | 44,34        | 3,34        |
| 2.                | Chương trình hỗ trợ cộng đồng được triển khai phù hợp với kế hoạch đã đề ra                                                                                 | 15,41                  | 39,01        | 45,58        | 3,37        |
| 3.                | Chương trình hỗ trợ cộng đồng mang lại hiệu quả như mong đợi và có lợi ích, thiết thực cho cộng đồng                                                        | 14,61                  | 38,79        | 46,60        | 3,40        |
| 4.                | Tình nguyện viên/sinh viên được hướng dẫn cụ thể các nội dung và cách thức thực hiện                                                                        | 13,88                  | 38,06        | 48,06        | 3,42        |
| 5.                | Tình nguyện viên/sinh viên được tham gia các buổi tập huấn những kiến thức, kỹ năng cơ bản để phục vụ cho các hoạt động trong chương trình hỗ trợ cộng đồng | 15,05                  | 38,71        | 46,24        | 3,39        |
| 6.                | Tình nguyện viên/sinh viên được hỗ trợ về phương tiện di chuyển và vật chất để phục vụ cho chương trình                                                     | 15,19                  | 39,81        | 45,00        | 3,38        |
| 7.                | Tình nguyện viên/sinh viên được hỗ trợ, động viên về tinh thần trong quá trình làm nhiệm vụ                                                                 | 14,68                  | 38,71        | 46,60        | 3,39        |
| 8.                | Nhà trường có các chính sách hỗ trợ và khuyến khích cho sinh viên tham gia hoạt động tình nguyện                                                            | 15,12                  | 38,42        | 46,46        | 3,39        |
| 9.                | Hoạt động phục vụ, hỗ trợ cộng đồng giúp tình nguyện viên phát huy được khả năng tư duy, sáng tạo và các kỹ năng cần thiết khác                             | 13,73                  | 37,69        | 48,58        | 3,43        |
| 10.               | Hoạt động phục vụ, hỗ trợ cộng đồng sẽ giúp ích cho hoạt động học tập và tìm kiếm việc làm sau này của các bạn sinh viên tình nguyện                        | 13,59                  | 38,13        | 48,28        | 3,44        |
| 11.               | Các bạn có đồng ý rằng PVCD sẽ: Đề cao đạo đức phục vụ trong sinh viên đại học, cải thiện mối quan hệ giữa nhà trường và cộng đồng                          | 13,59                  | 36,38        | 50,04        | 3,46        |
| 12.               | Các bạn có đồng ý hoạt động PVCD là điều kiện bắt buộc khi xét tốt nghiệp                                                                                   | 18,33                  | 39,52        | 42,15        | 3,28        |
| <b>TRUNG BÌNH</b> |                                                                                                                                                             | <b>14,96</b>           | <b>38,55</b> | <b>46,49</b> | <b>3,39</b> |

*Nguồn: Tổng hợp từ kết quả khảo sát*

Kết quả bảng trên cho thấy: Số sinh viên đánh giá trung bình mức độ không hài lòng là 14,96% trong đó tiêu chí các bạn có đồng ý hoạt động PVCĐ là điều kiện bắt buộc khi xét tốt nghiệp có tỷ lệ không hài lòng cao nhất (18,33%); bình thường là 38,55%; hài lòng là 46,49%; Điểm số mức độ hài lòng (điểm Likert) trung bình là 3,39/5,0 ở mức chất lượng bình thường.

**Khi được hỏi các bạn có gặp khó khăn gì trong việc tham gia hoạt động PVCĐ vừa qua**

Có 1.054/1.369 (77%) số sinh viên trả lời chưa hoặc không có khó khăn gì; bên cạnh đó có một số khó khăn khi tham gia PVCĐ như: Phải đi lại nhiều, đi xa; thiếu phương tiện đi lại; Không có nhiều thời gian để tham gia; trùng lịch học; kinh phí hỗ trợ cho hoạt động PVCĐ còn hạn chế; rụt rè, ngại giao tiếp; sức khỏe chưa đảm bảo; chưa có nhiều hoạt động để tham gia; thiếu thông tin về các hoạt động PVCĐ; chưa có kinh nghiệm nhiều, thiếu các kỹ năng xã hội; chưa được hướng dẫn nhiều.

**Một số ý kiến đề xuất của sinh viên để chương trình hỗ trợ/PVCĐ năm sau hiệu quả và thiết thực hơn**

Nhà trường nên hỗ trợ thêm kinh phí đi lại; có thêm nhiều hoạt động PVCĐ để sinh viên tham gia: Các hoạt động văn nghệ, chương trình nấu cơm và phát cho người nghèo định kì, các chương trình chăm sóc sức khỏe cho cộng đồng, chương trình dọn vệ sinh khu phố, bảo vệ môi trường định kì, tổ chức các chương trình từ thiện giúp trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, các trẻ em vùng sâu vùng xa, các hoạt động trò chơi thăm khám giả định cho các em ở trại trẻ mồ côi để nuôi dưỡng tinh thần y đức cho các em; phân bổ thời gian tổ chức các hoạt động hợp lý hơn; giới thiệu các hoạt động đến từng Khoa; thông tin về các hoạt động PVCĐ cần tuyên truyền rộng rãi và mở rộng quy mô để các bạn sinh viên có thể tham gia không chỉ các bạn làm bên đoàn hay cán sự lớp; có kế hoạch tổ chức sớm để các bạn tình nguyện viên sắp xếp tham gia; cần có thêm các chính sách khuyến khích tham gia các hoạt động PVCĐ như cấp giấy chứng nhận, khen thưởng; tổ chức các buổi ngoại khóa, tập huấn những kỹ năng cần thiết; có các kênh zalo, Facebook để giải đáp các thắc mắc; sắp xếp các hoạt động PVCĐ phù hợp với lịch học của sinh viên; gắn hoạt động PVCĐ với công tác học tập của sinh viên; cần lan tỏa hoạt động PVCĐ để mọi người tình nguyện tham gia thay vì bắt buộc.

## **8. Nhận xét chung**

Phục vụ cộng đồng là một trong ba mảng hoạt động của giáo dục đại học. Hoạt động phục vụ cộng đồng trong môi trường đại học có ý nghĩa thật sự to lớn: Thể hiện vai trò, trách nhiệm của nhà trường trong việc đáp ứng yêu cầu của xã hội, vì lợi ích chung của cộng đồng, góp phần phát triển đời sống vật chất, tinh thần cho cộng đồng; Đồng thời mang lại cơ hội học tập cho sinh viên và giảng viên bên ngoài lớp học, giúp sinh viên thể hiện được những kiến thức đã được học và phát triển tính cách cá nhân; Xác định được trách nhiệm và quyền lợi của toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên, sinh viên trong việc xây dựng và tổ chức các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng.

Trong năm vừa qua, trường Đại học Tây Nguyên luôn quan tâm đến hoạt động kết nối và PVCĐ, việc khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan của Trường nhằm kết nối, phục vụ xã hội, phục vụ cộng đồng tốt hơn nữa, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, cung cấp các sản phẩm giáo dục đáp ứng nhu cầu xã hội.

Thông tin do giảng viên, VCNLĐ và sinh viên cung cấp sẽ góp phần rất lớn vào việc đánh giá thực trạng hoạt động kết nối, phục vụ xã hội, phục vụ cộng đồng của Trường. Qua đây, Nhà trường sẽ điều chỉnh để hoạt động này càng thiết thực, có ý nghĩa hơn và phục vụ cộng đồng hiệu quả hơn.

Báo cáo kết quả khảo sát hoạt động kết nối và PVCD của Trường là cơ sở dữ liệu công khai tới các bên liên quan; là minh chứng để phục vụ công tác tự đánh giá và đánh giá ngoài.

**9. Đề xuất, kiến nghị**

Lãnh đạo các đơn vị phụ trách công tác kết nối và PVCD cần rà soát, xây dựng kế hoạch cụ thể đồng thời có những cải tiến phù hợp cho các hoạt động kết nối và PVCD cho năm tiếp theo để đạt hoạt động này ngày càng thiết thực và hiệu quả.

**Nơi nhận:**

- Ban Giám hiệu (Để báo cáo);
- Các đơn vị (Để biết);
- Đăng Website của Trường;
- Lưu: QLCL.

TRƯỞNG PHÒNG

TH.S. Huỳnh Văn Quốc